

Số:147/TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	
Số: 6290	Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính
Ngày: 26-07-2024	
Chuyên: 20/07	
Lưu hồ sơ số:	

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm một số vụ án hành chính “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm đã có những vi phạm trong việc nhận định, đánh giá chứng cứ và việc xác định bản chất của vụ án hành chính, cần thông báo để rút kinh nghiệm chung, cụ thể:

I/ Vụ thứ nhất: giữa người khởi kiện là Bà Lê Thị M và người bị kiện là UBND thị xã P; Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh B. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty I.

1. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 15/12/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 10.855/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M để xây dựng công trình KCN X B1 (đợt 5 - Giai đoạn II) xã X, huyện T, với tổng kinh phí bồi thường và hỗ trợ 4.278.011.180 đồng và xác định vị trí bồi thường đất ở là vị trí 1 - Khu vực 3.

Bản án hành chính số 04/2019/HC-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B và Quyết định thi hành án hành chính số 08/2019/QĐ-THA ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B có nội dung buộc UBND huyện T (nay là thị xã P) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M đối với 42.598m² đất đã thu hồi theo vị trí 1- khu vực 2; Bồi thường, hỗ trợ đối với 4.900 cây Mai vàng, 12 cây Quýt, 01 ao đào theo quy định pháp luật. Nhưng Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND thị xã P về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo Bản án số 04/2019/HC-ST ngày 20-02-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B xác định đất thu hồi của bà Lê Thị M vẫn thuộc khu vực 3, cây Mai vẫn xác định vượt mật độ tính bồi thường 20% là không đúng như nội dung Bản án số 04/2019/HC-ST nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh B. Không đồng ý, bà M đã khiếu nại, ngày 24/5/2022 Chủ tịch UBND thị xã P ban hành Quyết định số 1240/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M (lần đầu) nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà M.

Bà M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND thị xã P; Buộc UBND thị xã P thực hiện đúng nội dung Bản án số 04/2019/HC-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B và bồi

thường thiệt hại số tiền 1.837.000.000 đồng là tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng (10,5%/năm)/tổng số tiền bà M đã vay tính từ ngày 06/3/2019 (ngày Bản án số 04/2019/HC-ST có hiệu lực cho đến nay); Hủy Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P.

Ngày 07/10/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.837.000.000 đồng. Đối với ý kiến của Công ty I tại Văn bản số 336/CT-BQL ngày 09/9/2022 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M thì bà M không đồng ý

2. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

2.1. Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2022/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Hủy một phần Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 30/7/2020, cụ thể hủy mục 1/Bồi thường về đất, mục 2/Bồi thường cây trồng, Hỗ trợ về đất tại điểm B Điều 1 Quyết định số 1710/QĐ-UBND ...

Hủy Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M (lần đầu). Buộc UBND thị xã P phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M đối với 42.598m² đất đã thu hồi theo đúng khu vực 2 đất thu hồi; bồi thường, hỗ trợ đối với 4.900 cây Mai vàng theo quy định pháp luật. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.837.000.000 đồng của bà Lê Thị M đối với UBND thị xã P.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/12/2022, Công ty I kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

2.2. Bản án hành chính phúc thẩm số 446/2023/HC-PT ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H quyết định: *Không chấp nhận kháng cáo của Công ty I.*

- Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2022/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B về phần án phí sơ thẩm.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại số tiền 1.837.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

2.3. Ngày 06/11/2023, Công ty I có đơn đề nghị Viện KSND tối cao xem xét vụ án nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 446/2023/HC-PT ngày 21/6/2023 và huỷ Bản án số 04/2019/HC-ST ngày 20/02/2019.

Ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông báo số 164/TB-VKS-HC về việc không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo yêu cầu của Công ty I.

2/ Vụ thứ hai: giữa người khởi kiện là ông Phan B với người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B.

I. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 23/4/2008, UBND huyện T có Quyết định số 3697/QĐ-UBND về việc thu hồi 44.937,3m² đất nông nghiệp (nay là các thửa 43,44, 45, 53, 56, 275, tờ bản đồ địa chính số 03, phường X, thị xã P, tỉnh B) của hộ ông Phan B tại xã X để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chăn len và bao bì đựng chăn len Boomin (đợt 2). Ngày 25/4/2008, UBND huyện T có Quyết định số 3791/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Phan B, theo đó bồi thường hỗ trợ toàn bộ diện tích đất thu hồi theo vị trí 1 – khu vực 3, đơn giá 25.000 đồng/m².

Không đồng ý, ông B khởi kiện Quyết định số 3791/QĐ-UBND. Tòa án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông B. Ông B có đơn kháng cáo.

Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2010/HC-PT ngày 06/4/2010 của TAND tỉnh B chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm, hủy khoản 1, 2 của Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của UBND huyện T để xác định lại đất thuộc vị trí 1 khu vực 2.

Thực hiện bản án phúc thẩm nêu trên, ngày 20/8/2010, UBND huyện T có Quyết định số 5631/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ bổ sung cho hộ ông B, theo đó xác định lại khu vực bồi thường hỗ trợ diện tích đất thu hồi theo vị trí 1 – khu vực 2 (diện tích 42.253,7m² giá 47.000 đồng/m²) và vị trí 1 – khu vực 3 (diện tích 2.863,6m² giá 25.000 đồng/m²) theo Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh B. Ngày 21/02/2012, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Quyết định số 5631/QĐ-UBND ngày 20/8/2010. Ông B tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh. Ngày 18/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại về việc yêu cầu áp dụng đơn giá đất năm 2010 để tính kinh phí đền bù hỗ trợ cho ông B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2015/HC-ST ngày 08/9/2015, TAND tỉnh B tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Ngày 21/9/2015, UBND tỉnh B kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 22/2016/HC-PT ngày 24/3/2016, TAND cấp cao tại Thành phố H tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh B, giữ y án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2017/HC-ST ngày 05/12/2017, TAND tỉnh B tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B tuyên

hủy Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 09/7/2017 để xác định lại khu vực, vị trí đất thu hồi và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông B theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Bản án nêu trên, ngày 29/11/2019, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 4738/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình ông B.

Ông B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh B tuyên hủy Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND thị xã P.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

1. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 20/7/2020, TAND tỉnh B tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông B về yêu cầu hủy Quyết định số 4738; buộc UBND thị xã P xác định lại vị trí 44.937,3m² thuộc vị trí 1, khu vực 1 đối với phần diện tích đất canh tác cách ranh khu công nghiệp TH trong phạm vi 200m; phần ngoài phạm vi 200 thì được xác định là khu vực 2 và thực hiện bồi thường cho ông B theo quy định.

Ngày 03/8/2020, ông B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

2. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 27/2022/HC-PT ngày 12/01/2022, TAND cấp cao tại Thành phố H quyết định

Chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 20/7/2020 của TAND tỉnh B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định số 4738. UBND thị xã P có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Ngày 07/7/2022, UBND thị xã P có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 27/2022/HC-PT ngày 12/01/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H.

4. Ngày 21/9/2023, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/2023/KN-HC đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên. Ngày 15/4/2024, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/2023/KN-KDTM ngày 25/3/2024 của Chánh án TAND tối cao, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 27/2022/HC-PT ngày 12/01/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H giao hồ sơ cho TAND cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Vụ thứ nhất

Theo sơ đồ vị trí thửa đất của bà M thì thửa đất của gia đình bà M có mặt tiền đường đất rộng trên 6m, cách khu công nghiệp M B1 - TH 94m tính từ giới hạn khu công nghiệp. Khu công nghiệp X B1 - TH được hình thành năm 2005 theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 13/10/2005 của UBND tỉnh B còn đất của bà M bị thu hồi vào năm 2008. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 2 Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh B (ban hành kèm theo Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007) thì đất của bà M bị thu hồi được xác định khu vực 2 là có cơ sở.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 1240/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND thị xã P giữ nguyên Quyết định số 1710/QĐ-UBND của UBND thị xã P, tỉnh B là không đúng vì Quyết định số 1710/QĐ-UBND vẫn xác định đất thu hồi của bà M thuộc dự án KCN X B1 (khu vực 3) và 4.900 cây Mai vàng xác định vượt mật độ tính toán bồi thường 20% đơn giá là thực hiện không đúng nội dung của Bản án số 04/2019/HC-ST và không phù hợp với Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bản án hành chính phúc thẩm số 446/2023/HC-PT ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H hủy một phần Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND thị xã P cụ thể (hủy mục bồi thường về đất, bồi thường cây trồng, hỗ trợ về đất tại điểm b Điều 1 Quyết định số 1710/QĐ-UBND; *Hủy Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã P* không chấp nhận kháng cáo của Công ty I là có căn cứ, đúng pháp luật nên ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông báo về việc không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo yêu cầu của Công ty I.

Vụ thứ hai

Trong vụ án này, theo hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính thì diện tích đất của ông B bị thu hồi có một phần nằm trong bán kính 200m và một phần nằm trong bán kính từ 200m-400m tính từ khu công nghiệp TH và không có mặt tiền tiếp giáp với trục đường giao thông chính hoặc liên thôn, chỉ tiếp giáp với đường đất 3m.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B xác định thông tin địa chính thửa đất bị thu hồi của hộ gia đình ông B là khu vực 2 vì không đáp ứng đủ các điều kiện xác định đất thuộc khu vực 1 (điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh B).

Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng UBND thị xã P ban hành Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 là trái với Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2017/HCST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B là không đúng nên ngày 15/4/2024, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã xét xử hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 27/2022/HC-PT ngày 12/01/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H giao hồ sơ cho TAND cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Từ 02 kết quả giải quyết 02 vụ án cụ thể trên, khi thực hiện công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án tương tự, Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần lưu ý phải xem xét kỹ hồ sơ, bản đồ địa chính, sơ đồ vị trí thửa đất có đảm bảo các điều kiện xác định đất thuộc khu vực nào và có phù hợp với Quy định bảng giá các loại đất của địa phương có đất thu hồi hay không. Từ đó, phân biệt rõ vị trí đất, việc áp giá theo vị trí đất của cơ quan có thẩm quyền đối với từng trường hợp cụ thể xem trường hợp nào được công nhận khu vực 1, trường hợp nào được công nhận khu vực 2 và trường hợp nào được công nhận khu vực 3 để bảo đảm quyền, lợi ích của các đương sự không bị xâm phạm.

Trên đây là một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết một số vụ án hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất. Viện KSND tối cao thông báo để Viện KSND các cấp tham khảo, vận dụng nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT VKSND tối cao (để báo cáo);
- Đ/c Vụ trưởng Vụ 10 (để báo cáo);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng VKSND tối cao (P.tham mưu tổng hợp);
- Lưu VT, V10.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT
CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH
DOANH, THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG
VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
VỤ TRƯỞNG



Đỗ Văn Thắng